Biểu mẫu số 10

UBND THANH PHO GIA NGHIA
TRƯỜNG THCS NGUYỄN CHÍ THANH

Số: 13/TB-NCT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Thành, ngày 15 tháng 7 năm 2024

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường THCS Nguyễn Chí Thanh, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	**Số học sinh chia theo hạnh kiểm**	**283**	**66**	**68**	**62**	**88**
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	261	58	59	58	86
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	23	8	9	4	2
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	-	-	-	-	-
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	-	-	-	-	-
II	**Số học sinh chia theo học lực**	**283**	**66**	**68**	**62**	**88**
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	45	7	9	9	20
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	117	32	20	26	39
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	108	22	31	26	29
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	13	5	7	1	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	-	-	-	-	-
II	**Tổng hợp kết quả cuối năm (Năm 2023-2024)**					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	282 99.6	65 98.5	68 100	62 100	88 100
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	45	7	9	9	20
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	117	32	20	26	29
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	13	5	7	1	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	01	1	-	-	-
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	3/7	0 /0	1/3	2/02	0/2
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	-	-	-	-	-

Scanned with CamScanner

Biểu mẫu số 10

UBND THANH PHO GIA NGHIA
TRƯỜNG THCS NGUYỄN CHÍ THANH

Số: 13/TB-NCT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Thành, ngày 15 tháng 7 năm 2024

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường THCS Nguyễn Chí Thanh, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	**Số học sinh chia theo hạnh kiểm**	**283**	**66**	**68**	**62**	**88**
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	261	58	59	58	86
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	23	8	9	4	2
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	-	-	-	-	-
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	-	-	-	-	-
II	**Số học sinh chia theo học lực**	**283**	**66**	**68**	**62**	**88**
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	45	7	9	9	20
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	117	32	20	26	39
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	108	22	31	26	29
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	13	5	7	1	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	-	-	-	-	-
II	**Tổng hợp kết quả cuối năm (Năm 2023-2024)**					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	282 99.6	65 98.5	68 100	62 100	88 100
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	45	7	9	9	20
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	117	32	20	26	29
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	13	5	7	1	-
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	01	1	-	-	-
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	3/7	0 /0	1/3	2/02	0/2
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	-	-	-	-	-

Scanned with CamScanner

6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	01	-	01		-
IV	**Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi**					
1	Cấp huyện	24	1	1	8	14
2	Cấp tỉnh/thành phố	05	-	-	-	5
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	-	-	-	-	-
V	**Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp**	88	-	-	-	88
VI	**Số học sinh được công nhận tốt nghiệp**	88	-	-	-	88
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	20	-	-	-	3
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	39	-	-	-	14
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	29	-	-	-	32
VII	**Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng** (tỷ lệ so với tổng số)	-	-	-	-	-
VII I	**Số học sinh nam/số học sinh nữ**	157/126	42/24	29/38	35/27	51/37
IX	**Số học sinh dân tộc thiểu số**	24	3	7	9	5

c) Số lượng học sinh được công nhận tốt nghiệp THCS 88/88, tỉ lệ 100%.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Xuân Trưng

Scanned with CamScanner Đ•çc quét bng CamScanner